

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N3
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HS-ST

Ngày: 24-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N3**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- T2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Ngạn, ông Hoàng Hồng Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vụ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2022/TLST-HS ngày 18/11/2021 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 18A/2022/QĐXXST-HS ngày 11/02/2022, Q định hoãn phiên tòa số 09/2022/HSST-QĐ ngày 25/02/2022, Q định hoãn phiên tòa số 11/2022/HSST-QĐ ngày 09/3/2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn AT, sinh năm 1991 tại xã NL, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; nơi ở: thôn BP, xã NL, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; nghề ngh lao động tự do; trình độ văn hóa 11/12; dân tộc Kinh; giới tính N3; tôn giáo không; quốc tịch Việt N3; con ông NVK và con bà NT; vợ là N Thị L1, sinh năm 1992; có 01 con sinh năm 2018;

Tiền sự: Ngày 30/8/2019, Công an tỉnh Hải Dương ra Q định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau;

Nhân thân: Ngày 29/11/2000, Công an huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau;

Bản án số 17/2012/HSST ngày 26/6/2012, Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng V khí quân dụng”; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và các Q định của bản án;

Bản án số 36/2014/HSST ngày 27/8/2014, Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và các Q định của bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/9/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

2. V Văn Q, sinh năm 1990 tại thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; nơi ở: khu H, thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; nghề ngH lao động tự do; trình độ văn hóa 10/12; dân tộc Kinh; giới tính N3; tôn giáo không; quốc tịch Việt N3; con ông V MC và con bà V TG; chưa có vợ; tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 30/8/2019, Công an tỉnh Hải Dương ra Q định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau;

Nhân thân: Bản án số 06/2014/HSST ngày 24/01/2014, Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và các Q định của bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/9/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

3. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1995 tại xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi ở: Xóm 1, thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề ngH lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc Kinh; giới tính N3; tôn giáo không; quốc tịch Việt N3; con ông NND và con bà NTT; vợ là PTC, sinh năm 1998 (đã ly hôn năm 2020); có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2021; chuyển tạm giam từ ngày 10/4/2021 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

4. Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 tại xã LM, huyện TH, tỉnh Hải Dương; nơi ở: thôn MT, xã LM, huyện TH, tỉnh Hải Dương; nghề ngH lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc Kinh; giới tính N3; tôn giáo không; quốc tịch Việt N3; con ông NVH và con bà NTT; chưa có vợ; tiền án, tiền sự: chưa;

Nhân thân: Ngày 30/3/2010, Công an huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ra Q định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Hủy hoại tài sản;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/10/2020; chuyển tạm giam từ ngày 23/10/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

5. Lò Văn V, sinh năm 1995 tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu; nơi ở: Bản N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu; nghề ngH lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc Thái; giới tính N3; tôn giáo không; quốc tịch Việt N3; con ông LĐ và con bà LTT; chưa có vợ; tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/10/2020; chuyển tạm giam từ ngày 23/10/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

6. Bùi Văn H1, sinh năm 1993 tại xã LH, huyện LTh, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi ở: thôn L, xã LH, huyện LTh, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề ngH lao động tự do; trình độ

văn hóa 9/12; dân tộc Kinh; giới tính N3; tôn giáo không; quốc tịch Việt N3; con ông BVH và con bà ĐT; chưa có vợ; tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 30/8/2019, Công an tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau;

Nhân thân: Ngày 19/6/2014, Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc ra Q định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/10/2020; chuyển tạm giam từ ngày 23/10/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

7. Nguyễn Duy N, sinh năm 1990 tại xã TQ, huyện V T, tỉnh Thái Bình; nơi ở: thôn K, xã TQ, huyện V T, tỉnh Thái Bình; nghề ngH lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc Kinh; giới tính N3; tôn giáo không; quốc tịch Việt N3; con ông NDN và con bà HTT; chưa có vợ; tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 30/8/2019, Công an tỉnh Hải Dương ra Q định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau;

Nhân thân: Ngày 28/6/2011, Công an tỉnh Thái Bình ra Q định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/9/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

8. Phạm Huy T2, sinh năm 1992 tại xã CM, huyện TK, tỉnh Hải Dương; nơi ở: thôn TA, xã CM, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề ngH lao động tự do; trình độ văn hóa 11/12; dân tộc Kinh; giới tính N3; tôn giáo không; quốc tịch Việt N3; con ông PXL và con bà PTT; vợ là TTN, sinh năm 1993; có 02 con (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2020); tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 30/8/2019, Công an tỉnh Hải Dương ra Q định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

Các bị cáo đều có mặt.

*** Bị hại:** anh Nguyễn Văn S (tên gọi khác là M), sinh năm 1986; trú tại: thôn Ngọc Q, xã NL, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

*** Người có quyền lợi liên quan:**

- Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 1986; trú tại: thôn Ngọc Q, xã NL, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1992; trú tại: thôn BP, xã NL, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

*** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh S và chị Y:** Ông Đoàn Minh – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương.

Anh S, chị Y, chị L1, ông Minh đều có mặt.

*** Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Bá L2, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn Cổ Lãm, xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

- Anh Phạm Văn H3, sinh năm 1982; chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1979; ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1961; ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1966; chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1975; ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1968; ông Lê Xuân C1, sinh năm 1964; đều trú tại: thôn Ngọc Q, xã NL, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Những người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn AT là bạn của V Văn Q, Nguyễn Duy N, Phạm Huy T2, Nguyễn Văn H, Bùi Văn H1, Lò Văn V, Nguyễn Ngọc T. Trưa ngày 23/8/2020, anh Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Bá L2 ngồi uống bia tại nhà ông Oanh (là bố vợ anh S). Anh L2 gọi điện bảo N cho anh L2 đưa nhân viên nữ từ Bắc Ninh sang huyện Cẩm Giàng làm. N nói phải trao đổi với AT. Anh S ngồi cạnh nghe thấy N nói vậy thì cầm điện thoại của anh L2 nói: *tao không hài lòng với nhóm của AT nhiều việc rồi, không việc gì phải hỏi AT, AT chỉ là con tao.*

Đến tối cùng ngày, AT cùng N, H, T2, Q, N3, T3 hát Karaoke tại khu vực huyện Văn Lâm, tỉnh H1 Yên. Tại đây, N kể lại cho AT nghe nội dung anh S đã nói. AT bức xúc gọi ngay điện thoại cho anh S nh1 không được, nên gọi cho chị Y là vợ anh S để gặp anh S. Quá trình nói chuyện AT và anh S chửi bới, thách thức nhau, AT nói: *mày muốn làm bố tao thì mở cổng, tao về nhà mày bây giờ.* Ngay lúc đó, AT bảo với anh em có mặt là: *đi về nhà S xem ai là bố, ai là con* thì tất cả đồng ý và đi về phòng trọ của N tại thôn Bình Long, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, AT, N, H, T2, Q, N3, T3 về đến phòng trọ thì gặp V, H1, T đang ngồi chơi tại sân. AT bảo V: *mang cho anh con dao.* V đi vào phòng trọ lấy ra 1 túi dứa bên trong đựng dao, gậy bóng chày, tuýp sắt để xuống sân rồi lấy 1 thanh dao bằng kim loại dài khoảng 70cm, chuôi khoảng 15cm, lưỡi dao cong, mũi nhọn đưa cho AT. AT cầm dao, nói: *Tất cả ở nhà, việc này để một mình anh giải Q, không thằng nào được đi theo thì có người nói: Thế thì không được, thằng này lão phải L1 đánh cho nó một trận (không xác định được ai nói);* AT nói lại *Anh nói chúng mày không nghe à rồi cầm dao đi xe mô tô dựng sẵn ở sân phòng trọ đến nhà anh S.* Cùng lúc, Q nói: *Đi thì cùng đi;* T2 lấy 01 xe mô tô để ở sân đi theo AT. Thấy vậy, H1 cầm dao kim loại dài khoảng 45cm, chuôi dài khoảng 10cm ngồi sau xe của T2; V lấy xe mô tô ở sân phòng trọ chở H ngồi sau cầm gậy bóng chày và tuýp sắt; N đi xe mô tô cầm

đao bằng kim loại; T, Q và 1 số người khác đi xe mô tô và ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra màu trắng, BKS 17A-155.48 của N đi theo đến nhà anh S (trước khi đi có người để túi dứa đựng hung khí vào cốp xe).

Khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, AT có mặt trước cổng nhà anh S, dựng xe, cầm dao và gọi: *M ơi mày ra đây* (nhà anh S đã mở sẵn cổng sắt và cửa gỗ vào nhà chính). Anh S nhìn thấy AT cầm dao thì quay vào nhà cầm 1 dao quắm đi ra cổng. Giữa AT và anh S có lời nói thách thức, chửi nhau. Lúc đó, T2 và H1 đi đến dựng xe trước cổng, thấy AT và anh S cầm dao và dao quắm đứng cãi nhau ở cổng thì H1 vào túm giữ tay trái anh S, T2 túm giữ tay phải anh S (đang cầm dao quắm). Liên lúc đó AT tát vào mặt anh S 01 cái thì T2 và H1 giữ tay đẩy anh S từ cổng vào trong lán xe, T2 giằng dao quắm trong tay anh S để vào góc lán. Lúc này các xe mô tô đến sau dựng rải rác trên đường ngõ vào nhà anh S, xe ô tô của N đỗ tại đầu ngõ, cách nhà anh S khoảng 70m. *Tất cả cầm theo hung khí đi bộ, nói to vào nhà anh S.* Khi bị T2 giằng dao, anh S vừa đi ra phía cổng vừa chửi AT thì bị **T3** cầm gậy bóng chày bằng kim loại dài khoảng 70cm, đường kính 5cm vụt vào mặt; Q, H cầm gậy bóng chày như của T3; V, T, N3 cầm tuýp sắt dài khoảng 80cm, đường kính 2,5cm; H1 cầm dao, tất cả xông vào vụt đánh anh S. Anh S bỏ chạy vào trong nhà đến cửa hậu, không chạy được nữa thì bị Q, H, T3 dùng gậy bóng chày, T dùng tuýp sắt vụt và dùng chân tay đấm đá anh S; H1, N2, V dùng chân tay đấm đá vào người và mặt anh S. Thấy anh S bị chảy máu nhiều trên mặt, AT bảo mọi người không đánh nữa và đến gần anh S nói: *Mày còn thích làm bố tao nữa không*, thì anh S trả lời *Tao không bao giờ xin chúng mày*. Mọi người trong nhóm định đánh anh S tiếp nH1 AT gạt tay ngăn lại, anh S nói *Tao còn là anh thằng AT* thì AT dùng tay phải tát vào mặt anh S 01 cái và nói *từ giờ mày không còn là anh tao nữa* rồi đi ra phòng khách. H xóc nách anh S kéo ra ghế phòng khách. Lúc này N cầm dao đứng ở cửa nhà anh S nhìn thấy có mắt camera đã hô L1 có camera kìa. AT nhìn thấy dây camera trên tường trong nhà đã bảo mọi người giật dây camera, tìm đầu thu. V, Q, T2, N1, T3 giật dây camera, tìm đầu thu nH1 không thấy, anh S nhào người ra ngăn cản việc tìm đầu thu thì bị Q, V, H1, H, N3, T3 đấm đá vào mặt, vào người anh S, rồi cả nhóm bỏ ra về. Khi đi ra đến cửa N chỉ cho T2 thấy mắt camera trên góc lán xe, T2 dùng gậy ở lán xe chọc mắt camera rơi xuống tìm thẻ nhớ nH1 không thấy nên đã bỏ lại mắt camera và đi về. AT bảo mọi người đi về phòng trọ của N, sau đó tất cả bỏ trốn. Anh S được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương. Ngày 20/10/2020 và ngày 08/4/2021, H1, V, H, T đầu thú.

Khi AT đến chửi bới và cùng đồng phạm đánh anh S, chị Y (vợ anh S) sợ hãi chạy L1 tầng 3, trèo sang nhà hàng xóm ẩn nấp; vợ chồng anh Phạm Văn H2 và chị Nguyễn Thị H3; ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị H4, đều là hàng xóm của anh S đang ngủ thấy ầm ĩ đã dậy ra xem, chứng kiến sự việc. Anh H2 vào nhà anh S can ngăn hai bên.

Vật chứng thu được: 01 thanh kim loại hình trụ tròn dạng ống màu xám, dài 80cm, đường kính 2,5cm; chip Y giao nộp 01 đầu thu camera; 01 USB có lưu giữ đoạn video hình ảnh anh S bị đánh.

Không quản lý được dao, gậy bóng chày, tuýp sắt của các bị cáo; dao quắm, mắt camera của anh S; không quản lý được chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra màu trắng, BKS 17A-155.48 của N và các xe mô tô các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi đến nhà anh S.

Ủy ban nhân dân và các tổ chức chính trị xã hội xã NL, huyện Cẩm Giàng có đơn đề nghị xử lý nghiêm vụ việc.

Ngày 03/9/2020, anh S có đơn yêu cầu khởi tố AT và những người đã gây thương tích cho anh; yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền thuốc, viện phí, tổn hại sức khỏe, tổn hại tinh thần và tiền công người chăm sóc.

Kết luận giám định pháp y số 256 ngày 14/9/2020, Phòng giám định pháp y, Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương kết luận: Chấn thương gây thủng màng nhĩ tai trái, hiện còn thủng màng nhĩ tai trái, nghe kém mức độ nhẹ tai trái; tổn thương có đặc điểm do vật tày gây ra; được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 3%. Sẹo vết thương phần mềm đầu ngoài trên cung lông mày trái và mí mắt phải kích thước nhỏ; các đặc điểm do vật sắc gây ra; được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 3%. Sẹo vết thương mặt sau tai trái kích thước nhỏ, các đặc điểm do vật sắc gây ra, được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 1%. Chấn thương gây xuất huyết, bầm tụ máu quanh 2 mắt (thị lực 2 mắt giảm, không đủ yếu tố kết luận do chấn thương gây ra); căn cứ vào thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp ý tâm thần thì không xác định được tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra (không phần trăm). Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 10%.

Kết luận giám định số 7665/C09-P6 ngày 30/11/2020, Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp video mẫu cần giám định.

Kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐ ĐG-TTHS ngày 08/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Cẩm Giàng kết luận: 01 mắt camera an ninh mua và lắp đặt tháng 3 năm 2018, được lắp đồng bộ với đầu thu nhãn hiệu Dahua DHI XVR 4104 HS-S2, đã qua sử dụng. Theo hồ sơ định giá và Thông tư số 45/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ tài chính và hồ sơ yêu cầu định giá: Có giá trị là 618.000đồng.

Tại bản Cáo trạng số 09/VKS-HS ngày 17/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn AT, V Văn Q, Nguyễn Văn H, Bùi Văn H1, Lò Văn V, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Duy N và Phạm Huy T2 về các tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318

và tội “*Cố ý gây thương tích*”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Ngày 28/7/2021, chị Nguyễn Thị L1 (vợ bị cáo AT) nộp Biên lai thu tiền số AA/2011/0003933. Ngày 23/3/2022, bị cáo T2 nộp 01 biên lai thu tiền số AA/2020/0000788 ngày 23/3/2022 và ngày 24/3/2022 nộp biên lai thu tiền số AA/2020/0000789 ngày 24/3/2022 của Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng để bồi thường cho anh S tổng số tiền là 74.498.000đ.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa đều xác định bản cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng. Các bị cáo bị truy tố, xét xử là không oan. Mặc dù các bị cáo Q, N, T, V, H, T2, H1 không có mâu thuẫn trực tiếp với anh S nH1 các bị cáo biết AT và anh S có mâu thuẫn và AT đi đến nhà anh S để giải Q. Vì vậy, các bị cáo đã cầm hung khí đi theo để hỗ trợ AT khi cần thiết. Tại nhà anh S, các bị cáo AT, Q, T, V H, H1 đã trực tiếp đánh anh S. Bị cáo T2 và N không trực tiếp đánh anh S nH1 T2 giữ tay, tước dao để AT tát anh S. T2 và N có chứng kiến các bị cáo khác đánh anh S và không có lời nói, hành động nào can ngăn. N cầm theo dao đứng ở cổng với mục đích hỗ trợ AT khi cần thiết.

Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo đã biết lỗi và luôn có thiện chí bồi thường cho anh S theo quy định của pháp luật nH1 do anh S không nhận. Tại phiên tòa, anh S yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 74.498.000đồng. Các bị cáo AT, Q, T, H, V, H1 đã nhờ chị L1 bồi thường giúp số tiền 25.000.000đồng. Số tiền 47.498.000đồng T2 nộp cho Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng để bồi thường cho anh S. Trong đó, T2 tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền trị giá chiếc mắt cam bị hỏng là 618.000đồng. T2 và N tự nguyện bồi thường cho anh S số tiền 15.000.000đồng, số tiền 34.498.000đồng, T2 được các bị cáo còn lại nhờ bồi thường giúp. Bị cáo T2 và chị L1 không có yêu cầu gì đối với số tiền đã nộp hộ các bị cáo khác. Các bị cáo và chị L1 tự giải Q với nhau sau.

Anh S xác nhận lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là đúng. Anh đề nghị HĐXX xử phạt nghiêm minh đối với các bị cáo. Yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 74.498.000đồng gồm các khoản như anh đã liệt kê. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, anh S không có bất cứ khiếu nại gì đối với hành vi tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Anh có đề nghị Cơ quan điều tra giám định lại thương tích nH1 không được chấp nhận. Anh S đề nghị được giám định lại thương tích vì cho rằng kết quả giám định tương tích của anh là chưa phù hợp và hiện tại sức khỏe của anh chưa ổn định. Anh chưa đi vá màng nhĩ. Anh không xuất trình được thêm tài liệu, chứng cứ nào chứng minh thiệt hại về tài sản cũng như sức khỏe của anh. Anh cũng không có căn cứ chứng minh cho yêu cầu giám định

định lại của mình. Anh S đề nghị được nhận lại đầu thu camera mà chị Y đã giao nộp.

Người có quyền lợi liên quan - chị Y nhất trí với quan điểm của anh S về phân trách nhiệm dân sự. Chị không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Chị Nguyễn Thị L1 xác nhận, các bị cáo AT, Q, H, H1, V, T nhấn nhờ chị nộp hồ tiền bồi thường cho anh S tổng là 25.000.000đ nH1 anh S không nhận tiền nên chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng. Chị tự nguyện không yêu cầu giải Q đối với số tiền đã nộp bồi thường hộ các bị cáo, chị và các bị cáo sẽ tự giải Q.

* Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị HĐXX:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên các bị cáo Nguyễn AT, V Văn Q, Nguyễn Văn H, Bùi Văn H1, Lò Văn V, Nguyễn Ngọc T, Phạm Huy T2, Nguyễn Duy N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 (người bị hại có lỗi) Điều 51; Điều 55; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn AT từ 9 tháng đến 12 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và từ 26 tháng tù đến 28 tháng tù, về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành từ 35 tháng đến 40 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 07/9/2020.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo V Văn Q từ 8 tháng đến 11 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và từ 26 đến 28 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành từ 34 tháng đến 39 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 07/9/2020.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 (bị cáo đầu thú) Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 8 tháng đến 11 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và từ 24 tháng đến 26 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành từ 32 tháng đến 37 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 09/4/2021.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 (bị cáo đầu thú) Điều 51; Điều 55; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 8 tháng đến 11 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 24 tháng đến 26 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng

hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành từ 32 tháng tù đến 37 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 20/10/2020.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 (bị cáo đầu thú) Điều 51; Điều 55; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Văn V từ 8 đến 11 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và từ 24 tháng đến 26 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành từ 32 tháng tù đến 37 tháng tù; thời hạn tính từ ngày tạm giữ 20/10/2020.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 (bị cáo đầu thú) Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H1 từ 7 đến 9 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và từ 24 tháng đến 26 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành từ 31 tháng tù đến 35 tháng tù; thời hạn tính từ ngày tạm giữ 20/10/2020.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N từ 6 tháng đến 8 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 24 tháng đến 26 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành từ 30 tháng đến 34 tháng tù; thời hạn tính từ ngày tạm giam 07/9/2020.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm t, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55, Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Huy T2 từ 6 tháng đến 8 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 24 tháng đến 26 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành từ 30 tháng đến 34 tháng tù; thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự; Chấp nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và anh S, chị Y về việc các bị cáo bồi thường cho anh S và chị Y tổng số tiền 74.498.000đồng.

Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu cho tiêu hủy 01 thanh kim loại hình trụ tròn dạng ống màu xám, chiều dài 80cm, đường kính 2,5cm. Trả lại 01 đầu thu Camera cho anh S và chị Y. Lưu tại hồ sơ vụ án 01 USB.

Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí; Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Anh S đề nghị luật sư trình bày lời buộc tội đối với các bị cáo: Anh S là người bị hại có yêu cầu khởi tố đối với các bị cáo về tội cố ý gây thương tích. Anh S nhất trí với nội dung bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo. Các bị cáo khác đã tiếp nhận ý chí của AT và thực hiện hành vi rất Q liệt. Anh Hạnh sang can ngăn nH1 đã bị ngăn cản điều đó chứng tỏ các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm đến cùng. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất nH1 bị cáo AT đã đánh anh S, còn các bị cáo khác không có mâu thuẫn với anh S nH1 vẫn đến đánh anh S. Như vậy hành vi của tất cả các bị cáo đều có tính chất côn đồ (theo hướng dẫn tại Công văn số 38 của Tòa án nhân dân Tối cao ngày 06/01/1976). Các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm đối với việc làm hỏng mắt cam của nhà anh S chứ không phải chỉ riêng một mình bị cáo T2. Hành vi của các bị cáo trong việc nói có mắt cam, giật dây điện và chọc mắt cam là có dấu hiệu che dấu đối với hành vi cố ý gây thương tích đồng thời là hành vi phá phách của các bị cáo. Bản cáo trạng chỉ nêu các bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm mà chưa nêu các bị cáo có hành vi phá phách.

* Người bị hại – anh S không bổ sung thêm.

Bị cáo AT không tranh luận với luận tội của VKS. Không đồng ý với lời buộc tội của bị hại. Bị cáo và anh S có mâu thuẫn với nhau. Anh S thách thức, chửi bới bị cáo nên bị cáo mới có hành vi như vậy. Các bị cáo khác là anh em thân thiết của bị cáo, một số bị cáo có biết mâu thuẫn giữa bị cáo và S nên đã đi theo bị cáo để cùng giải Q mâu thuẫn với anh S. Các bị cáo không ngăn cản anh H2 mà anh H2 vẫn đi ra đi vào can ngăn hai bên. Các bị cáo không có hành vi phá phách gì mà chỉ rút dây điện để tìm đầu thu, không làm hỏng dây điện. T2 có chọc mắt cam. Còn bàn ghế có bị xô dịch nH1 không thiệt hại.

Các bị cáo khác nhất trí với quan điểm của AT.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Chị Y trình bày: Khi các bị cáo tham gia đánh anh S đã làm bàn ghế bị xô dịch, dây điện bị giật ra. Đến nay chị chưa biết thiệt hại là bao nhiêu. Chị đề nghị giám định lại thương tích đối với anh S.

* Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin lỗi anh S, chị Y. Mong anh S, chị Y bỏ qua cho các bị cáo. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các

bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo và lời khai của anh S tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, lời khai của anh S và những người làm chứng tại cơ quan điều tra; phù hợp kết luận giám định pháp y số 256 ngày 14/9/2020; Kết luận giám định, vật chứng thu được và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, thể hiện diễn biến nội dung vụ việc và hành vi của các bị cáo như sau: AT và các bị cáo trong vụ án đều là bạn bè xã hội, có mối quan hệ công việc với nhau. Trưa ngày 23/8/2020, khi anh L2 điện thoại cho N nói về việc điều tiếp viên, anh S có lời nói với N về việc không hài lòng với nhóm của AT nhiều việc rồi, không việc gì phải hỏi AT, AT chỉ là con tao. Tối cùng ngày, tại quán karaoke ở khu vực huyện Văn Lâm, tỉnh H1 Yên, gồm có AT, N, H, T2, Q, N3 và T3. N đã kể lại cho AT nghe nội dung mà anh S đã nói như trên. AT gọi điện thoại cho vợ chồng anh S, hai bên lời qua tiếng lại. Sau đó, AT nói với những người có mặt là đi về nhà S xem ai là bố, ai là con thì tất cả cùng đi về nhà trọ của N, lấy hung khí mang theo. Trong khoảng thời gian từ 23 giờ 40 phút đến 23 giờ 55 phút ngày 23/8/2020, Nguyễn AT, V Văn Q, Nguyễn Văn H, Bùi Văn H1, Lò Văn V, Nguyễn Ngọc T, Phạm Huy T2, Nguyễn Duy N đi xe mô tô, ô tô, mang theo gậy bóng chày, tuýp sắt, dao đi từ thôn Bình Long, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng đến khu vực gần nhà anh Nguyễn Văn S, thôn Ngọc Q, xã NL, huyện Cẩm Giàng thì để xe ô tô và mô tô lại và tiếp tục đến trước cổng nhà anh S; Gọi, chửi bới, thách thức, đe dọa, sau đó đuổi đánh anh S từ ngoài lán để xe vào trong nhà, tiếp tục đánh vào mặt và người anh S. Hậu quả: Anh S bị tổn hại 10% sức khỏe. Làm hỏng mắt camera trị giá 618.000đồng của nhà anh S.

[3] Về tội danh và xác định đồng phạm trong vụ án: Các bị cáo trong vụ án đều biết rõ mâu thuẫn giữa AT với anh S. Tại quán karaoke, AT đã nói với các bị cáo khác đi về nhà anh S để giải Q mâu thuẫn với anh S. Các bị cáo khác tiếp nhận ý chí của AT nên đã cùng đi về nhà trọ của N, mang theo hung khí và đi cùng AT. Mặc dù AT có nói không cho các bị cáo khác đi cùng N1 các bị cáo khác vẫn tự chuẩn bị hung khí cho mình và đi ngay sau AT đến nhà anh S. Khi AT và 7 bị cáo khác trong vụ án cùng người tên N3 và T3 (chưa rõ nhân thân) có mặt tại nhà anh S và cùng tham gia đánh anh S hoặc hỗ trợ cho người khác đánh anh S thì AT không có lời nói hay hành động nào can ngăn các bị cáo khác mà đồng tình để các bị cáo thực hiện hành vi đánh anh S. Lời khai của các bị cáo

khác trong vụ án đều thể hiện ý thức biết AT đi đánh anh S, vì AT là anh cả nên đi theo để hỗ trợ, tham gia cùng đánh anh S. T2 không trực tiếp đánh anh S nH1 tiếp nhận ý chí của AT, chở H1 mang theo hung khí đến nhà anh S. Khi thấy anh S cầm dao, T2 giữ tay giật dao của anh S, tạo điều kiện để AT tát anh S và những người khác đánh anh S. N không trực tiếp đánh anh S nH1 N đứng ngoài cửa để hỗ trợ AT. Nếu nhóm của anh S đánh AT thì N sẽ đánh lại. Hành vi của T2 và N hỗ trợ cho AT và đồng phạm gây thương tích cho anh S. Việc đồng phạm của các bị cáo thể hiện ngay từ khi tiếp nhận ý chí, chuẩn bị công cụ và thực hiện hành vi, hỗ trợ để các bị cáo khác đánh anh S tại nhà anh S.

Trong khoảng thời gian từ 23 giờ 40 phút đến 23 giờ 55 phút ngày 23/8/2020, bị cáo AT và đồng phạm dùng hung khí nguy hiểm là dao, tuýp sắt, gậy bóng chày... , có lời nói chửi bới, thách thức làm ầm ĩ giữa đêm khuya, làm hỏng mắt camera nhà anh S, gây ảnh hưởng đến trật tự công cộng, quy tắc sinh hoạt khu dân cư; Gây bức xúc trong nhân dân và chính quyền địa phương. Đồng thời các bị cáo dùng các hung khí như dao, tuýp sắt, gậy bóng chày tấn công bị hại khiến cho bị hại bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 10% nên thuộc trường hợp “*dùng hung khí nguy hiểm*”.

Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn AT, V Văn Q, Nguyễn Văn H, Bùi Văn H1, Lò Văn V, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Duy N và Phạm Huy T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự và tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều là người có đủ N lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nH1 các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo Nguyễn AT, V Văn Q, Nguyễn Văn H, Bùi Văn H1, Lò Văn V, Nguyễn Ngọc T, Phạm Huy T2 và Nguyễn Duy N về các tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 và tội “*Cố ý gây thương tích*”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến sức khỏe của anh S mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại xã NL, an toàn xã hội trên địa bàn huyện Cẩm Giàng. Xuất phát từ mâu thuẫn giữa AT và anh S nH1 AT không tìm cách giải Q nhẹ nhàng giữa hai người mà kéo theo nhiều anh em bạn bè đến cùng gây thương tích cho anh S; gây ồn ào, mất trật tự tại khu dân cư. Hành vi của các bị cáo thể hiện coi thường pháp luật, vì vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng để giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Xét diễn biến sự việc và hành vi của từng bị cáo thì thấy vai trò của từng bị cáo trong vụ án như sau: Đối với hành vi Cố ý gây thương tích: AT giữ vai trò đầu, tiếp theo là bị cáo Q. Sau Q là H, T, V, H1 đều là người thực hành. Tiếp theo là T2, N với vai trò giúp sức.

Đối với hành vi Gây rối trật tự công cộng: AT giữ vai trò đầu, tiếp theo đó lần lượt là các bị cáo Q, H, V, H1, T, T2 và N.

HĐXX áp dụng Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự, để Q định hình phạt trong trường hợp đồng phạm.

[6] Đối với yêu cầu giám định lại thương tích của anh S: Anh S, chị Y không có căn cứ nào khác chứng minh đối với thương tích của anh ngoài các tài liệu chứng cứ đã nộp cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu giám định lại thương tích của anh S.

Đối với đề nghị của luật sư Đoàn Minh về việc hành vi của các bị cáo có tính chất côn đồ và Q liệt, cố tình thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. HĐXX thấy không phù hợp và không có căn cứ chấp nhận.

[7] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo AT, Q, H, H1, T2, N đều đã từng bị xử phạt hành chính hoặc bị xét xử nên xác định là người có nhân thân xấu. Hiện tại AT, Q, H1, T2, N có tiền sự chưa được xóa.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều T2 khẩn khai nhận hành vi phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều Điều 51 Bộ luật hình sự; Các bị cáo đã nhờ người khác hoặc tự nguyện bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của bị hại; Thiệt hại các bị cáo gây ra cho anh S là không lớn. Do vậy cả 08 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (đối với hành vi cố ý gây thương tích). Để xảy ra vụ việc này là do anh S đã có những lời nói kích bác, không tôn trọng AT khi anh L2 và N đang nói chuyện với nhau trên điện thoại. Khi AT đến nhà, anh S đã chuẩn bị sẵn dao quắm và mở cổng, mở cửa sẵn chờ AT nên HĐXX xác định có một phần lỗi của của người bị hại và áp dụng cho bị cáo AT được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo H, H1, V, T sau khi bỏ trốn đã ra đầu thú nên 04 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo T2 trong giai đoạn điều tra đã tích cực hợp tác với Cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm và ủng hộ phòng chống covid bằng tiền mặt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584 Bộ luật dân sự, các bị cáo gây thương tích cho anh S nên phải có trách nhiệm bồi thường.

Ngoài những tài liệu đã cung cấp, tại phiên tòa anh S không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới; anh S yêu cầu bồi thường tổng các khoản chi phí theo quy định của pháp luật là 74.498.000đồng, bao gồm:

- Chi phí điều trị có chứng từ hợp lệ; Tiền dự kiến vá màng nhĩ. Cộng là 38.000.000đồng.
- Tiền tổn thất về tinh thần bằng 10 tháng lương cơ sở là 14.900.000đồng.
- Tiền mất thu nhập: Do sau khi ra viện, bị hại còn chóng mặt, rách màng nhĩ trái, cần tái khám nên thời gian mất thu nhập là 15 ngày đối với cả anh S và chị Y. T2 tiền là $15 \times 400.000\text{đ/ngày} = 6.000.000\text{đồng}$; $15 \times 132.000\text{đ/ngày} = 1.980.000\text{đồng}$.
- Tiền thuê xe đi bệnh viện nhiều lần bằng 3.000.000đồng.
- Tiền bồi dưỡng sức khỏe 1 lần bằng 10.000.000đồng.
- Tiền mất camera là 618.000đồng.

Các bị cáo đã nộp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng số tiền 74.498.000đồng và đồng ý bồi thường cho anh S và chị Y số tiền trên. Xét đây là sự tự thỏa thuận của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận.

[9] Về vật chứng:

01 thanh kim loại hình trụ tròn dạng ống màu xám, dài 80cm, đường kính 2,5cm là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

01 đầu thu camera do chị Y giao nộp chứng minh hình ảnh anh S bị đánh đã được sao sang USB và hiện lưu giữ trong hồ sơ; do vậy cần trả lại đầu thu cho anh S và chị Y.

01 USB ghi hình ảnh các bị cáo đánh anh S, cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ.

Đối với dao, gậy bóng chày, tuýp sắt của các bị cáo; dao quắm của anh S; chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra màu trắng, BKS 17A-155.48 của bị cáo N; xe mô tô các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi đến nhà anh S; mắt camera của anh S, đều không thu giữ được; đã truy tìm vật chứng nH1 không có kết quả nên không phải giải Q.

[10] Về các vấn đề khác: Đối tượng tên N3, sinh năm 1993, ở tỉnh Bắc Giang và T3, sinh năm 1992, ở tỉnh Hà N3 có hành vi cầm hung khí chửi bới, đánh anh S, gây mất trật tự an toàn xã hội vào đêm ngày 23/8/2020 tại nhà anh S. Quá trình điều tra chưa xác định được họ tên đầy đủ và địa chỉ. Cơ quan

CSĐT Công an huyện Cẩm Giàng tiếp tục xác minh khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[11]Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Q ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn AT, V Văn Q, Nguyễn Văn H, Bùi Văn H1, Lò Văn V, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Duy N, Phạm Huy T2 phạm các tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 (người bị hại có lỗi) Điều 51; Điều 55; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn AT 08 (tám) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 26 (hai mươi sáu) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; Tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 34 (ba mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/9/2020.

3- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo V Văn Q 08 (tám) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 26 (hai mươi sáu) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 34 (ba mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/9/2020.

4- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 (bị cáo đầu thú) Điều 51; Điều 55; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 07 (bảy) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 31 (ba mươi mốt) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 09/4/2021.

5- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 (bị cáo đầu thú) Điều 51; Điều 55; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 (bảy) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 25 (hai mươi lăm) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 32 (ba mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/10/2020.

6- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2(bị cáo đầu thú) Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Văn V 07 (bảy) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 25 (hai mươi lăm) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 31 (ba mươi một) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 20/10/2020.

7- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2(bị cáo đầu thú) Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H1 06 (sáu) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 25 (hai mươi lăm) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 31 (ba mươi một) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 20/10/2020.

8- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N 06 (sáu) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam 07/9/2020.

9- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm t, b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55, Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Huy T2 06 (sáu) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

10- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận sự tự thỏa thuận của các bị cáo và anh S, chị Y. Buộc các bị cáo bồi thường cho anh S số tiền 73.880.000đồng, bao gồm các khoản bồi thường thương tích theo quy định của pháp luật do anh S yêu cầu; Bồi thường cho anh S và chị Y trị giá mất camera là 618.000đồng. Anh Nguyễn Văn S và chị Hoàng Thị Y được nhận số tiền bồi thường tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, theo biên lai thu số AA/2011/0003933 ngày 28/7/2021 do chị Nguyễn Thị L1 nộp số tiền là 25.000.000đồng; Biên lai thu tiền số AA/2020/0000788 ngày 23/3/2022 số tiền là 42.000.000đồng và số

AA/2020/0000789 ngày 24/3/2022 số tiền là 7.498.000đồng của Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng do bị cáo T2 nộp. Các bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường dân sự.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị L1 và bị cáo T2 không yêu cầu giải Q đối với số tiền đã nộp bồi thường hộ các bị cáo.

11. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại hình trụ tròn dạng ống màu xám, dài 80cm, đường kính 2,5cm

Trả lại 01 đầu thu camera đựng trong hộp bìa cattong cho anh Nguyễn Văn S và chị Hoàng Thị Y.

Lưu giữ 01 USB trong hồ sơ vụ án.

(Đặc điểm của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan công an huyện Cẩm Giàng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng ngày 17-5-2021).

12. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; các bị cáo AT, Q, H, H1, V, T, T2, N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh S số tiền 500.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000416 ngày 10/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

13. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án (đối với Tội cố ý gây thương tích) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- CQCSĐT công an huyện Cẩm Giàng;
- CQTHAHS-công an huyện Cẩm Giàng;
- Trại tạm giam-Công an tỉnh Hải Dương;
- CCTHADS huyện Cẩm Giàng;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có ql, nv liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Hằng

T2 VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Ngạn Hoàng Hồng Hà

Phạm Thuý Hằng

* Người bào chữa cho bị cáo AT trình bày:

-. Không đồng tình việc truy tố bị cáo AT về tội “ Gây rối trật tự công cộng” bởi: dấu hiệu về mặt khách quan của tội phạm thì đó phải là hành vi gây rối trật tự ở nơi công cộng, đó là hành vi làm phá vỡ tình trạng ổn định có tổ chức có kỷ luật ở nơi diễn ra hoạt động chung của đông đảo người như trên đường phố, trong công viên, trong nhà hát, trong nhà ga hay đường sắt.. như là hét, chửi bới, đập phá tài sản, xô đẩy người. Về mặt chủ quan của tội phạm: AT chỉ có mục đích đến gặp anh S để giải Q mâu thuẫn cá nhân chứ không có mục đích gây rối trật tự công cộng. Khi xem xét hai dấu hiệu trên thì AT hoàn toàn không đáp ứng hai dấu hiệu. Thực tế theo lời khai của AT và các bị cáo thể hiện AT đến nhà anh S một mình, trên đường đi không hò hét âm ỉ, không cào kéo phát ra tiếng động ồn ào, chỉ khi đến cổng nhà anh S thì hai bên mới nói to thách thức nhau, sau đó các bị cáo mới tới.

-. Đánh giá về vai trò đồng phạm: AT và các bị cáo khác chỉ quen biết nhau trong làm ăn, không có quan hệ gia đình, không có quan hệ lãnh đạo cấp trên cấp dưới, giữa các bị cáo với AT không có gì ràng buộc, hàng tháng AT không phải trả lương cho các bị cáo khác, giữa các bị cáo không phát sinh bất kỳ hợp đồng dân sự nào, nên các bị cáo khác không có gì lệ thuộc vào AT. Tại phòng trọ AT yêu cầu mọi người ở nhà “ Việc này để một mình anh giải Q, không thằng nào được đi”. Mặc dù có người nói : “ Thế thì không được, thằng này lão phải L1 đánh cho nó một trận”; AT nói “ Anh nói chúng mày không nghe à”; đó

là biểu thị cương Q không cho bất kỳ ai đi theo, sau đó AT đến nhà anh S một mình. Việc các bị cáo khác đi theo là sự tự nguyện nên các bị cáo phải tự chịu trách nhiệm độc lập về các hành vi của mình, vì vậy AT không thể là người đồng phạm trong hành vi gây rối. Mặt khác AT có cầm dao đi nH1 trong quá trình đi không sử dụng dao vào bất kỳ việc gì. Tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự quy định: “Dùng V khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách”. Theo quy định của Điều luật trên thì người mang hung khí đi mà không dùng (không sử dụng) thì không thể buộc bị cáo phải chịu tình tiết dùng hung khí như điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự được. Từ những phân tích trên cho thấy việc làm của bị cáo là độc lập, hơn nữa chưa có đủ căn cứ xác định 4 dấu hiệu của tội phạm, cụ thể hai dấu hiệu: Dấu hiệu về mặt khách quan và mặt chủ quan của tội phạm chưa xác định được và xác định chưa đầy đủ. Vì vậy, bị cáo Nguyễn AT không đủ yếu tố cấu T2 tội gây rối trật tự công cộng. Đề nghị HĐXX xem xét tuyên bố bị cáo không phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

-. Về hành vi gây thương tích, bị cáo AT chỉ tát anh S hai cái (không dùng hung khí để đánh nhau), đề nghị HĐXX xem xét.

-. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T2 khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp gây thiệt hại không lớn; bị cáo bị tạm giam nH1 đã nhấn về nhờ gia đình bồi thường thay nên đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, h, s Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác người bị hại cũng có lỗi. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX xem xét xử cho bị cáo ở mức dưới khung hình phạt theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.